

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2024/DS-PT

Ngày: 13 - 12 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng ủy
quyền, hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Việt Trung**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình**

Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 491/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số A tổ E ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số A tổ E ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thảo P** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp Nhà nước tỉnh T.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: tổ B ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: **Lâm Hữu N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: số G đường T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Nguyễn Hoàng O**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: **Lê Tấn S**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: số A tổ F khu phố F, T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Chị **Trần Thị Mai T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3 **Văn phòng C**;

Địa chỉ: số G đường C, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Nguyễn Thị Q**.

(có mặt ông L, bà P, anh S; Các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 29/12/2022, chị Nguyễn Thị Thùy D có vay của chị Nguyễn Thị Q số tiền là 30.000.000 đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng vay, chị D đã thế chấp cho chị Q quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS19994 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 29/6/2021. Ngày 29/12/2022, chị Q đã yêu cầu chị D ký hợp đồng ủy quyền số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C để bảo đảm cho hợp đồng vay, chị D cũng đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Q giữ.

Sau đó, chị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nêu trên cho ông Nguyễn Hoàng O.

Nay chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022, công chứng tại Văn phòng C số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD được ký giữa Nguyễn Thị Thùy D và chị Nguyễn Thị Q.

Chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2023 công chứng tại Văn phòng C số công chứng 001759 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD được ký giữa Nguyễn Thị Q và Nguyễn Hoàng O.

Chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện trả lại cho chị Nguyễn Thị Q số tiền đã vay là 30.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị Q có đại diện ủy quyền là anh Lâm Hữu N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D. Chị Q có cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng. Hai bên đã ký hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022 số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C để đảm bảo cho hợp đồng vay. Chị Q thống nhất hủy hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022 nêu trên. Chị Q thống nhất nhận số tiền đã cho chị D vay là 30.000.000 đồng, chị Q không yêu cầu tính lãi.

Vào ngày 24/12/2022, chị Q và ông Nguyễn Hoàng O đã ký hợp đồng đặt cọc theo đó chị Q đã nhận của ông Hoàng O số tiền 150.000.000 đồng để chuyển nhượng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 6, diện tích 881,9 m² tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nhưng sau đó, chị Q không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nên chị Q đã nợ ông Nguyễn Hoàng O số tiền 150.000.000 đồng.

Đến ngày 11/01/2023, chị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Hoàng O. Chị Q ký hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo cho hợp đồng vay số tiền 250.000.000 đồng và 150.000.000 đồng tiền đặt cọc. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/01/2023 được công chứng tại Văn phòng C có giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng. Chị Q đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Thùy D cho ông Nguyễn Hoàng O. Do chị Q không trả tiền lãi cho ông Hoàng O nên ông Hoàng O đã cộng dồn vốn và lãi thành 774.000.000 đồng. Vào ngày 10/6/2023, chị Q và ông Hoàng O đã ký hợp đồng hủy hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 11/01/2023 tại Văn phòng C và tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với giá chuyển nhượng là 774.000.000 đồng. Hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng là để đảm bảo cho hợp đồng vay số tiền 774.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/6/2023, chị Q đã trả tiền lãi cho ông Nguyễn Hoàng O đến ngày 30/9/2023 thì không trả lãi nữa. Chị Q đã trả tiền lãi cho ông Hoàng O với tổng số tiền là 99.000.000 đồng. Do ông Hoàng O không yêu cầu tính lãi nên chị Q không yêu cầu cản trừ số tiền lãi chị Q đã chuyển khoản. Chị Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng O, chị Q chỉ đồng ý trả cho ông Hoàng O số tiền 400.000.000 đồng, số tiền còn lại là 374.000.000 đồng là tiền lãi nên chị Q không đồng ý trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng O và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền anh Lê Tấn S trình bày:

Vào ngày 10/6/2023, ông Nguyễn Hoàng O cho chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 774.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, chị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn

Hoàng O. Cùng ngày 10/6/2023, ông Hoàng O và chị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 001759 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C.

Ông Nguyễn Hoàng O đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D. Ông Nguyễn Hoàng O đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/6/2023 được ký giữa chị Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Hoàng O số công chứng 001759 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Anh T1. Ông Hoàng O tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS19994 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 29/6/2021 cho chị Nguyễn Thị Thùy D.

Ông Nguyễn Hoàng O yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả số tiền 774.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Mai T trình bày:

Chị là vợ của ông Nguyễn Hoàng O. Ngày 10/6/2023, ông Nguyễn Hoàng O cho chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 774.000.000 đồng. Ông Hoàng O và chị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là để bảo đảm cho hợp đồng vay. Chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng O về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả số tiền 774.000.000 đồng. Chị xin được vắng mặt trong các phiên họp hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:

Hợp đồng ủy quyền ngày 229/12/2022 có số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD giữa Nguyễn Thị Thùy D và chị Nguyễn Thị Q được lập đúng trình tự, thủ tục công chứng. Tại thời điểm ký hợp đồng ủy quyền, các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký tên trên hợp đồng ủy quyền. Trên cơ sở hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022, chị D đã ủy quyền cho chị Q toàn quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M gồm chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cho thuê....

Ngày 10/6/2023, chị Nguyễn Thị Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 419, tờ bản đồ số 56, diện tích 97 m² đất trồng cây lâu năm tại xã M, thành phố M cho ông Nguyễn Hoàng O, hợp đồng được công chứng số 001759 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/6/2023 được lập đúng trình tự, thủ tục công chứng. Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký tên trên hợp đồng. Văn phòng C1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2 khoản 5 Điều

26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 131, Điều 133, Điều 408, Điều 457, Điều 459, Điều 463, Điều 468 và Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng O.

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022 được ký giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và chị Nguyễn Thị Q công chứng tại Văn phòng C số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2023 được ký giữa Nguyễn Thị Q và Nguyễn Hoàng O công chứng tại Văn phòng C số công chứng 001759, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Chị Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng O số tiền 774.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người phải thi án còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 12 tháng 6 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Q.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng O vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: chị Q kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Q nộp đơn kháng cáo và thực hiện đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn công chứng Nguyễn Anh T1 và chị Trần Thị Mai T, đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Q anh Lâm Hữu N vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, ông Nguyễn Hoàng O có yêu cầu độc lập, yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả cho ông số tiền 774.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ yêu cầu độc lập của ông O là biên nhận tiền ngày 10/6/2023 giữa chị Q và ông O (bút lục 194) được công chứng tại Văn phòng C2. Biên nhận tiền có nội dung: *“Nhận tiền chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 001759 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 10/6/2023”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông O và chị Q đều thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hợp đồng giả tạo để che giấu giao dịch dân sự khác của các bên là hợp đồng vay. Tòa án cấp sơ thẩm cứ Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu, giao dịch vay tài sản có hiệu lực là có căn cứ. Theo nội dung biên nhận tiền ngày 10/6/2023 thể hiện chị Q có nhận của ông O số tiền 774.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông O, buộc chị Q trả cho ông O số tiền 774.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Lý do chị Q cho rằng số tiền 774.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Q trả cho ông O trong đó chị chỉ vay và nhận số tiền 400.000.000 đồng, còn số tiền 374.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng, nên chị không đồng ý. Tuy nhiên, từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, chị Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó yêu cầu kháng cáo của chị Q không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với các phần khác của án sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Ý kiến của người bào chữa bảo vệ quyền lợi nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của chị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q không được chấp nhận, nên chị Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q.

Giữ nguyên dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 2 khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 124, Điều 131, Điều 133, Điều 408, Điều 457, Điều 459, Điều 463, Điều 468 và Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng O.

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022 được ký giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Thị Q công chứng tại Văn phòng C số công chứng 004918 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2023 được ký giữa Nguyễn Thị Q và Nguyễn Hoàng O công chứng tại Văn phòng C số công chứng 001759, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Chị Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng O số tiền 774.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người phải thi án còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 39.960.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Nguyễn Hoàng O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.480.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai

thu số 0005341 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chị Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0006250 ngày 14/6/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung